

Bản án số: 67/2024/HS - ST
Ngày: 16 -12 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀNG MAI, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Hồng Lĩnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tân và bà Hoàng Thị Lý

Thư ký phiên toà: Ông Cao Trọng Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Thị T, sinh ngày 20 tháng 9 năm 1992, tại thị xã H, tỉnh Nghệ An; tên gọi khác: Không; nơi cư trú: Khối T, phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn S, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; anh chị em có 03 người; chồng: Trần Văn C, sinh năm 1986 và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/5/2024 đến ngày 25/5/2024 tại Nhà tạm giữ Công an thị xã H, tỉnh Nghệ An, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/5/2024 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Chị Trần Thị B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn A, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6 đến tháng 7 năm 2023 Trần Thị T đã vay mượn tiền của một số người khác, sau đó T cho Trần Thị B, sinh năm 1989, trú tại thôn A, xã Q, thị xã H vay với lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự với mức 2.800 đồng/1.000.000 đồng/ngày tương đương với mức lãi suất 102.2%/năm nhằm thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

- Ngày 06/6/2023: Trần Thị T cho Trần Thị Bích V tổng số tiền tính đến ngày 06/6/2023 là 4.150.000.000 đồng. Trong ngày, B trả được số tiền 2.800.000.000 đồng, còn nợ lại 1.350.000.000 đồng. Tâm tính lãi khoản vay trên ngày 06/6/2023 như sau: Khoản vay 4.150.000.000 đồng vay trong 01 ngày 06/6/2023, lãi suất vay 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày = 5.810.000 đồng (T chỉ tính cho B 5.800.000 đồng, cho B 10.000 đồng). Đối với số tiền 1.350.000.000 đồng, Tâm tính lãi 02 lần với cùng lãi suất là 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày là 3.780.000 đồng. Số tiền B còn vay của T là 1.350.000.000 đồng. Sau đó Trần Thị B đã trả cho T số tiền nợ còn lại là 1.350.000.000 đồng.

- Ngày 26/6/2023: T cho B vay tiền, sau đó B trả cho T còn nợ số tiền 3.400.000.000 đồng, Tâm tính lãi 02 lần với cùng lãi suất là 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày nên tổng số tiền lãi là: 3.400.000.000 đồng x 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày + 3.400.000.000 đồng x 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày = 9.520.000 đồng.

Do đó, T cho B vay số tiền 3.400.000.000 đồng với lãi suất 9.520.000 đồng/3.400.000.000 đồng = 2.800 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 0.28%/ngày = 102.2%/năm, vượt gấp hơn 5 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định là 20%/năm.

Tiền lãi thực tế đã thu là 2.800 đồng/1.000.000 đồng x 3.400.000.000 đồng = 9.520.000 đồng. Số tiền lãi tối đa được phép thu theo ngày là (3.400.000.000 đồng x 20%)/365 = 1.863.014 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 9.520.000 đồng - 1.863.014 đồng = 7.656.986 đồng.

- Ngày 07/7/2023: Trần Thị T cho Trần Thị Bích V một số tiền sau đó B đã trả tiền lãi cho T, còn nợ số tiền 3.000.000.000 đồng, Tâm tính lãi 02 lần với cùng lãi suất là 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày nên tổng số tiền lãi là: 3.000.000.000 đồng x 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày + 3.000.000.000 đồng x 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày = 8.400.000 đồng.

Do đó, T cho B vay số tiền 3.000.000.000 đồng với lãi suất 8.400.000 đồng/3.000.000.000 đồng = 2.800 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 0.28%/ngày = 102.2%/năm, vượt gấp hơn 5 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định là 20%/năm.

Tiền lãi thực tế đã thu là 2.800 đồng/1.000.000 đồng x 3.000.000.000 đồng = 8.400.000 đồng. Số tiền lãi tối đa được phép thu theo ngày là (3.000.000.000 đồng x 20%)/365= 1.643.836 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 8.400.000 đồng - 1.643.836 đồng = 6.756.164 đồng.

- Ngày 10/7/2023: Trần Thị T cho Trần Thị B vay nợ những ngày trước đó với mức lãi suất 1.400đ/ngày/triệu đồng. Tuy nhiên với số tiền 3.000.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng, Tâm tính lãi 02 lần với cùng lãi suất 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày nên tổng số tiền lãi là: (3.000.000.000 đồng + 1.000.000.000 đồng) x 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày x 2 lần = 11.200.000 đồng. Số tiền này B đã trả cho T.

Do đó, T cho B vay số tiền 4.000.000.000 đồng với lãi suất 11.200.000 đồng/4.000.000.000 đồng/ngày = 2.800 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 0.28%/ngày = 102.2%/năm, vượt gấp hơn 5 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định là 20%/năm. Số tiền lãi tối đa được phép thu theo ngày là (4.000.000.000 đồng x 20%)/365= 2.191.780 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 11.200.000 đồng - 2.191.780 đồng = 9.008.220 đồng.

- Ngày 14/7/2023: Trần Thị T cho Trần Thị B vay tiền. Đối với số tiền 6.700.000.000 đồng, Tâm tính lãi 02 lần với cùng lãi suất là 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày nên tổng số tiền lãi là: 6.700.000.000 đồng x 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày + 6.700.000.000 đồng x 1.400 đồng/1.000.000 đồng/ngày = 18.760.000 đồng.

Do đó, T cho B vay số tiền 6.700.000.000 đồng với lãi suất 18.760.000 đồng/6.700.000.000 đồng = 2.800 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương mức lãi suất 0.28%/ngày = 102.2%/năm, vượt gấp hơn 5 lần so với mức lãi suất tối đa theo quy định là 20%/năm. Số tiền lãi tối đa được phép thu theo ngày là (6.700.000.000 đồng x 20%)/365= 3.671.233 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 18.760.000 đồng - 3.671.233 đồng = 15.088.767 đồng.

- Số tiền lãi tính theo lãi suất 2.800 đồng/1.000.000 đồng/ngày là 51.660.000 đồng gồm số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 10.109.589 đồng (Mười triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng) và số tiền lãi thu lợi bất chính với lãi suất vượt gấp 05 lần lãi suất tối đa (102,2%/năm) là 41.550.411 đồng (Bốn mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 (Một) quyển sổ ghi liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Thị T.

- 01 (Một) thẻ nhớ chứa hình ảnh các tin nhắn zalo giữa Trần Thị T và Trần Thị Bích .

- 01 (Một) thẻ nhớ chứa video ghi lời khai Trần Thị Bích .

- 01 (Một) thẻ nhớ chứa video ghi lời khai Hồ Thị P.

- 01 (Một) thẻ nhớ chứa video hỏi cung bị cáo Trần Thị T.

Các đồ vật, tài liệu trên được niêm phong theo quy định và lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Pro Max, số Imeil 1: 350999779294396, số Imeil 2: 350997794179971 màu ghi xám, bên trong có chứa thẻ sim có số seri 8984048000933445149 thu giữ của Trần Thị T, quá trình điều tra xác định T không sử dụng điện thoại này để thực hiện giao dịch cho vay lãi nặng với Trần Thị Bích N Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Đối với chị Trần Thị B, sau khi T trả lại số tiền thu lợi bất chính 41.550.411 đồng thì B không có yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKSHM, ngày 25/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai đã truy tố bị cáo Trần Thị T theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử phạt bị cáo Trần Thị T từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ thu nhập của bị cáo Trần Thị T trong thời gian cải tạo không giam giữ từ 500.000 đồng đến 600.000 đồng. Trừ bị cáo 03 ngày tạm giữ.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Trần Thị T sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 18.450.000.000 đồng. Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền lãi với mức lãi suất 20% bị cáo Trần Thị T đã thu là 10.109.589 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị T khai nhận hành vi phạm tội đúng như cáo trạng truy tố. Bị cáo không có tranh luận gì về tội danh, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoàng Mai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị T đã khai nhận: Khi Trần Thị B có nhu cầu vay tiền để kinh doanh, đảo hạn ngân hàng, từ tháng 6/2023 đến ngày 14/8/2023, Trần Thị T đã vay mượn tiền của những người khác rồi cho B vay với lãi suất vượt quá lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự để thu lời. Trong đó, vào các ngày 06/6/2023, 26/6/2023, 07/7/2023, 10/7/2023, 14/7/2023 Trần Thị T đã cho Trần Thị B vay lãi nặng lần lượt số tiền 1.350.000.000 đồng, 3.400.000.000 đồng, 3.000.000.000 đồng, 4.000.000.000 đồng và 6.700.000.000 đồng với lãi suất 2.800 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày. Số tiền lãi tính theo lãi suất 2.800 đồng/1.000.000 đồng/ngày là 51.660.000 đồng, gồm số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 10.109.589 đồng (Mười triệu một trăm lẻ chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng) và số tiền lãi thu lợi bất chính với lãi suất vượt gấp 05 lần lãi suất tối đa (102,2%/năm) là 41.550.411 đồng (Bốn mươi một triệu năm trăm năm mươi nghìn bốn trăm mười một đồng). Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng là sổ ghi việc vay tiền giữa bị cáo T và chị Trần Thị B, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và nội dung cáo trạng. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Trong đó, vào các ngày 06/6/2023, 26/6/2023, 07/7/2023, 10/7/2023, 14/7/2023 Trần Thị T cho Trần Thị B vay lãi nặng với tổng số tiền là 18.450.000.000 đồng với lãi suất 2.800 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/ngày (tương đương với mức lãi suất 102,2%/năm, gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao

nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 20%/năm), thu lợi bất chính tổng số tiền 41.550.411 đồng.

[3]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự: “Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”. Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của các bị cáo Trần Thị T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố là đúng người, đúng pháp luật.

[4]. Xét tình chất hành vi của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Hành vi cho vay lãi nặng đang có xu hướng gia tăng và lan rộng, là mầm mống làm phát sinh nhiều loại tội phạm khác, gây mất an ninh trật tự, mất ổn định xã hội, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân.

[5]. Về các tình tiết, tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Trần Thị T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo trả lại số tiền lãi vượt quá 20% cho chị Trần Thị Bích L1 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét tình hình tội phạm “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” trên địa bàn thị xã H tỉnh Nghệ An diễn biến phức tạp và có xu hướng ngày càng gia tăng. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đủ nghiêm và răn đe phòng ngừa chung tội phạm. Bị cáo Trần Thị T hiện điều kiện kinh tế khó khăn do đó Hội đồng xét xử không khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

[6]. Các biện pháp tư pháp: tịch thu từ bị cáo Trần Thị T số tiền lãi với mức 20%/ năm bị cáo đã thu của chị Trần Thị B là 10.109.589 đồng. Đối với số tiền lãi vượt quá 20%/năm bị cáo thu của chị Trần Thị B, bị cáo đã trả lại cho

chị B nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với số tiền số bị cáo sử dụng cho vay lãi nặng là 18.450.000.000 đồng cần phải tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Không khấu trừ thu nhập của bị cáo trong thời giam cải tạo không giam giữ. Trừ cho bị cáo thời gian tạm giữ từ ngày 22/5/2024 đến ngày 25/5/2024. Quy đổi cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Trần Thị T cho Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An giám sát giáo dục bị cáo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Q giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ.

“Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án”.

2. Về các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền bị cáo Trần Thị T sử dụng vào việc cho vay lãi nặng là 18.450.000.000 đồng (mười tám tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng).

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền lãi suất tương ứng với 20%/năm bị cáo Trần Thị T đã thu là 10.109.589 đồng (mười triệu, một trăm linh chín nghìn, năm trăm tám chín đồng).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Trần Thị T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND thị xã Hoàng Mai;
- Chi cục THADS thị xã Hoàng Mai;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKS tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan CSĐTCA tx Hoàng Mai;
- UBND phường Quỳnh Dị tx Hoàng Mai;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Hồng Lĩnh